TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/DS-PT

Ngày: 02 – 4 - 2024

V/v "Tranh chấp kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Các thẩm phán: Bà Triệu Thị Luyện, ông Đặng Văn Quyết.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Ngô Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 02/4/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 27/10/2023 của Toà án nhân dân huyện Yên Dũng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2024/QĐXXPT-DS ngày 07/02/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2024/QĐ-PT ngày 07/3/2024 giữa:

***- Nguyên đơn*:** Chị Tạ Thị M, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của chị M:

+ Công ty L do ông Đặng Hồng D - Giám đốc đại diện theo pháp luật; địa chỉ: Số I, lô B, ngõ F L, phường V, quận H, Hà Nội theo giấy uỷ quyền ngày 14/12/2022.

Công ty L cử đại diện tham gia tố tụng: Anh Đào Bá T, sinh năm 2000; địa chỉ: Chung cư B, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh theo quyết định về việc cử người đại diện theo uỷ quyền số 266/QĐ-BSL ngày 12/7/2023. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị M: Luật sư Nguyễn Văn T1 - Luật sư Công ty L thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Số C, L, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

***- Bị đơn*:** Anh Tạ Văn V, sinh năm 1993 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; cùng địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Anh V vắng mặt, chị H có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh V, chị H: Ông Hoàng Kông D1, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang theo hợp đồng uỷ quyền ngày 01/02/2023. (Có mặt)

- Người làm chứng:

+ Ông Tạ Văn Ư, sinh năm 1956; Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

+ Anh Tạ Văn Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

+ Chị Ngô Thị Đ1, sinh năm 1984; địa chỉ: Làng N, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

+ Anh Chu Văn T2, sinh năm 1971; địa chỉ: Phố T, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

+ Ông Tạ Văn H1, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

+ Anh Ngụy Anh K, sinh năm 1980; địa chỉ: Chợ R, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1991 và chị Ngụy Thị T3, sinh năm 1993; cùng địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

+Chị Trịnh Thị H3, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

+Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

*Người kháng cáo: anh Tạ Văn V và chị Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn chị Tạ Thị M do anh Đào Xuân T4 đại diện theo uỷ quyền và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của chị M thống nhất trình bày:*

Do có dự định sau này sẽ về Bắc Giang sinh sống nên năm 2017 chị M có trao đổi với em trai là anh Tạ Văn V về việc cho anh V vay tiền mua xe ô tô để chở khách kiếm thêm thu nhập, đến khi nào chị M về Bắc Giang sinh sống thì anh V sẽ trả lại cho chị M số tiền đã cho vay nếu không trả được bằng tiền thì sẽ làm thủ tục chuyển tên cho chị M chiếc xe ô tô mà chị M cho anh V vay tiền để mua. Sau khi trao đổi xong, chị M đã chủ động tìm hiểu, liên hệ với S xe ô tô Huyndai Bắc Giang để cho anh V mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai; loại xe Elantra, sơn màu đen với giá khoảng 640.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ban đầu và bản tự khai chị M có khai số tiền đặt cọc ban đầu 200.000.000đồng nhưng sau đó, chị M đã tìm được chứng từ gửi tiền ngân hàng thể hiến ố tiền lần đầu tiên chị chuyển khoản cho anh V đặt cọc mua xe là 300.000.000 đồng vào ngày 20/10/2017. Cùng ngày hôm đó, anh V đã chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng này cho S ô tô để trả tiền đặt cọc mua chiếc xe ô tô trên. Bởi anh V là em trai nên khi chuyển tiền cho vay chị M không ghi rõ nội dung chuyển tiền cũng không yêu cầu anh V viết giấy tờ gì. Đến ngày nhận bàn giao xe, chị M cũng đi cùng anh V đến nhận bàn giao xe và trực tiếp thanh toán số tiền mặt khoảng 100.000.000 đồng. Để lưu lại việc cho vay tiền này thì chị M đã chủ động ký các giấy tờ về việc giao nhận tiền với bên phía Showroom nhưng nay do thời gian đã lâu chị có đến xin lại nhưng Showroom xe ô tô Bắc Giang không cung cấp được cho chị nên chị không thể cung cấp cho Toà án được. Số tiền 240.000.000 đồng còn lại là anh V ký hợp đồng vay trả góp với Ngân hàng TMCP V1 để trả góp hàng tháng và được Ngân hàng giải ngân cho số tiền 240.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty bán ô tô nên anh V được nhận bàn giao chiếc xe đã mua và đăng ký được biển kiểm soát là 98A-153.03 mang tên anh Tạ Văn V. Sau khi mua được anh V dùng xe đi lại và chở khách, hàng tháng chị M vẫn chuyển tiền cho anh V đều đặn để trả góp tiền mua chiếc xe ô tô trên, khi thì chuyển khoản cũng có khi đưa tiền mặt cho anh V.

Ngoài việc nợ Ngân hàng số tiền mua xe trả góp trên thì anh V còn vay thêm Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh B, phòng G theo Hợp đồng vay số LD1920100112 số tiền 45.000.000 đồng nữa. Nhưng sau đó, anh V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình cho Ngân hàng mà đã trốn đi nơi khác nên ngày 26/8/2020, Ngân hàng đã thông báo khởi kiện về việc xử lý nợ vay của anh V. Do lo lắng Ngân hàng sẽ xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô mà chị M cho anh V vay tiền mua nên khi gia đình thông báo chị M đã về liên hệ với Ngân hàng để thanh toán các khoản vay quá hạn của anh V tại Ngân hàng TMCP V1 và trả tiền mua xe trả góp hàng tháng cho anh V kể từ khoảng tháng 10/2020 đến hết tháng 11/2021 (là khi thanh toán xong toàn bộ số tiền trả góp mua chiếc xe trên).

Theo bảng sao kê tài khoản ngân hàng của cá nhân anh V tại Ngân hàng TMCP V1 mà anh V cung cấp, chị M thống kê được trong khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 11/2021 chị M đã chuyển vào tài khoản số 135325047 của anh Tạ Văn V tất cả 11 lần với tổng số với số tiền là 67.904.000 đồng nhưng anh V chỉ thừa nhận đã nhờ chị M trả hộ số tiền 21.194.000 đồng (gồm số tiền 10.820.000 đồng ngày 09/4/2021; số tiền 5.224.000 đồng ngày 03/8/2021 và số tiền 5.150.000 đồng ngày 01/9/2021). Do là chị em nên chị M cũng nhất trí đòi anh V số tiền 21.194.000 đồng trên tổng số tiền 67.904.000 đồng chị đã chuyển ở trên, còn lại chị cho anh V.

Theo đơn khởi kiện ban đầu chị M yêu cầu Tòa án buộc anh V, chị H phải trả cho chị M tổng số tiền đã cho vay để mua chiếc xe ô tô con biển kiểm soát:

98A-153.03 là 761.000.000 đồng. Tại phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải ngày 07/6/2023 và tại phiên toà ngày 29/9/2023 chị M thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu anh V, chị H trả số tiền là 534.404.000đồng.

Tại phiên toà hôm nay, chị M căn cứ vào việc tại phiên toà ngày 29/9/2023, chị H đã thừa nhận ngày 20/10/2017, vợ chồng chị H có sử dụng số tiền 300.000.000 đồng mà chị M chuyển khoản vào tài khoản của anh V để đặt cọc và trả tiền mua chiếc xe ô tô con biển kiểm soát 98A-153.03 và anh V cũng thừa nhận đã nhờ chị M trả giúp cho Ngân hàng được ba lần với tổng số tiền 21.194.000 đồng tại biên bản ghi lời khai ngày 29/3/2023. Như vậy, vợ chồng anh V và chị H thừa nhận có nhận của chị M tổng số tiền là 321.194.000 đồng. Nên tại phiên toà hôm nay, chị M thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định chỉ yêu cầu anh V và chị H phải trả cho chị M số tiền là 321.194.000 đồng và không yêu cầu anh V, chị H phải trả tiền lãi của số tiền trên. Ngoài ra, chị M không có yêu cầu khởi kiện nào khác.

Bị đơn là anh Tạ Văn V và chị Nguyễn Thị H do ông Hoàng Kông D1 đại diện theo uỷ quyền của bị đơn thống nhất trình bày:

Anh V và chị M thừa nhận và nhất trí với số tiền mà chị M đã chuyển vào tài khoản của anh V tại Ngân hàng TMCP V1 và Ngân hàng TMCP N là 534.404.000 đồng như trong sao kê tài khoản cá nhân của anh V tại hai Ngân hàng là đúng nhưng không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị M. Bị đơn xác định không vay tiền chị M, toàn bộ số tiền chị M gửi cho anh V vào tài khoản cá nhân của anh V là để nhờ anh V đưa cho ông Tạ Văn Ư (bố của chị M và anh V) đứng ra làm nhà cho chị M.

Anh V xác định chiếc xe ô tô con, nhãn hiệu Hyundai ELANTRA, màu đen, biển kiểm soát 98A-153.03 có nguồn gốc là xe của vợ chồng anh mua năm 2017 với giá 640.000.000đồng, xe mang tên Tạ Văn V. Số tiền mua xe là tiền của vợ chồng anh V đi làm công nhân tích cóp được: chị H làm tại công ty S1 ở huyện Y, thành phố B, anh V làm tại công ty V2 ở khu công nghiệp V, thu nhập cả hai vợ chồng khoảng 30.000.000đồng/tháng. Khi mua xe anh V trả trước số tiền 400.000.000đồng, số tiền còn lại 240.000.000đồng là trả góp tại Ngân hàng TMCP V1 trong vòng 04 năm, tài sản bảo đảm chính là chiếc xe ô tô Hyundai, biển kiểm soát 98A-153.03. Quá trình vay tiền tại Ngân hàng anh V có vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng có gửi thông báo yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm. Do lúc đó kinh tế khó khăn nên anh V có nhờ chị M trả nợ giúp được 03 lần, tổng số tiền 21.194.000 đồng như chị M cung cấp là đúng. Tuy nhiên số tiền này sau đó anh V đã thanh toán trả lại chị M rồi. Toàn bộ số tiền mua xe đều do anh V đứng ra giao dịch và trả cho nhân viên bán hàng của công ty. Anh V khẳng định giữa anh và chị M không có quan hệ vay tiền, anh không vay tiền của chị M, không có bất cứ giấy tờ nhận nợ nào giữa anh và chị M. Khi chị M chuyển tiền qua tài khoản cho anh cũng không có nội dung chuyển tiền, trường hợp chị M cho anh vay tiền sẽ phải ghi rõ nội dung chuyển khoản là cho anh vay

tiền. Bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc đã đưa toàn bộ số tiền 534.404.000 đồng mà chị M đã gửi vào tài khoản của anh V cho ông Ư vì là bố con nên khi đưa tiền đều không có giấy tờ gì.

Nay chị M khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền chị M đã cho vay và chuyển vào tài khoản của anh V để mua chiếc xe ô tô trên, trường hợp không trả bằng tiền thì phải sang tên chiếc ô tô con biển kiểm soát 98A-153.03 đứng tên anh V, quan điểm của anh V là không đồng ý vì anh V xác định không vay tiền của chị M.

** Người làm chứng ông Tạ Văn Ư trình bày:*

Ông là bố đẻ của chị M và anh V. Năm 2017-2018, chị M làm việc ở niềm Nam nhưng vẫn thỉnh thoảng về quê chơi và có bàn bạc với gia đình ông về ý định xây dựng nhà nghỉ ở thôn V, xã Q và nhờ ông đứng ra mua nguyên vật liệu, trả công thợ, trông nom việc xây dựng nhà, còn toàn bộ chi phí xây dựng nhà là do chị M trả. Vì là bố con nên việc thoả thuận ông đứng ra xây nhà cho chị không có giấy tờ, chứng cứ gì để cung cấp cho Toà án. Chi phí xây dựng nhà được chị M gửi qua tài khoản ngân hàng của anh V để anh V đưa lại cho ông. Ông không ghi chép gì khi nhận tiền từ anh V đưa, cũng không viết giấy tờ gì. Còn mọi chi phí cho việc xây dựng nhà của chị M ông đều ghi chép cẩn thận ra quyển sổ và khi mua hàng nguyên vật liệu thì đều có hóa đơn. Toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc xây dựng nhà của chị M ông đã cung cấp cho Toà án. Tổng chi phí xây dựng nhà cho đến khi hoàn thiện cho chị M khoảng hơn 1 tỷ và khi làm xong nhà ông bàn giao lại cho chị M sử dụng, quản lý nhưng ông cũng không báo lại cho chị M biết tổng chi phí hết bao nhiêu vì chị M cũng không hỏi.

Vợ chồng anh V, chị H sống chung cùng vợ chồng ông, vợ chồng ông làm ruộng, còn vợ chồng anh V làm công nhân, hàng tháng vợ chồng anh V đi làm có đưa lại cho vợ chồng ông một phần để chi phí sinh hoạt chi tiêu trong gia đình, còn lại anh chị tiết kiệm riêng. Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A-153.03 là xe của vợ chồng anh V mua năm 2017 nhưng ông không biết giá bao nhiêu và nhãn hiệu xe gì chỉ biết xe đứng tên chủ sở hữu là Tạ Văn V. Ông có cho anh V mấy chục triệu để mua xe nhưng không có giấy tờ gì. Việc chị M cho anh V vay tiền hay không thì ông không biết, đó là việc giữa chị M và anh V. Chị M trình bày có gửi tiền vào tài khoản của anh V để anh V mua xe hộ, sự việc này ông không biết. Nay chị M khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh V trả số tiền cho vay mua xe ô tô như trên, quan điểm của ông là đề nghị Tòa án xem xét các tài liệu chứng cứ mà hai bên cung cấp để giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người làm chứng anh Tạ Văn Đ trình bày:*

Đối với việc chị M kiện đòi tiền anh V, chị H anh không biết giữa chị M và anh V có cho nhau vay tiền hay không nên không có tài liệu, chứng cứ gì cung cấp cho Toà án. Anh chỉ xác định, năm 2017-2018 ông Ư có đứng ra xây dựng nhà cho chị M, thuê công thợ, mua nguyên vật liệu là có thật nhưng việc

thoả thuận làm nhà giữa ông Ư, chị M không có văn bản, giấy tờ gì. Do anh làm thợ cơ khí nên các hạng mục liên quan đến việc làm cửa, mái tôn, lán, nhà xe đều do anh phụ trách đứng ra mua bán và thi công. Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra, màu đen, biển kiểm soát 98A-153.03 là xe của vợ chồng anh V, chị H mua năm 2017 với giá 640.000.000đồng, xe mang tên anh Tạ Văn V. Khi đi mua xe anh có đi cùng vợ chồng anh V, mọi chi phí liên quan đến việc mua xe đều do anh V đứng ra thanh toán. Việc chị M trình bày gửi tiền vào tài khoản của anh V để anh V đứng ra mua xe hộ chị M thì anh không biết, đó là việc của chị M và anh V.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập một số tài liệu, chứng cứ như sau:

- Tại biên bản xác minh ngày 19/7/2023, Công ty TNHH T5 (Showroom ôtô H4) cung cấp: Khách hàng Tạ Văn V có mua tại Showroom ô tô Huyndai B 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, loại xe Elantra MT màu đen, tổng trị giá xe là 625.800.000 đồng. Ngày 20/10/2017, anh V đặt cọc trước số tiền 300.000.000đồng bằng hình thức chuyển khoản quá Ngân hàng TMCP N vào tài khoản của Công ty. Ngày 27/10/2017, thanh toán trực tiếp số tiền 50.000.000đồng; ngày 28/10/2017, thanh toán trực tiếp số tiền 45.300.000 đồng. Tuy nhiên, do ai thanh toán trực tiếp thì không rõ vì các phiếu thu hiện tại Công ty không còn lưu giữ được do đã lâu, kho của Công ty đã bị mối mọt. Do anh V mua chiếc xe theo hình thức trả góp, nên sau khi Ngân hàng chuyển tiền thanh toán hết số tiền 240.000.000 đồng còn lại thì Công ty bàn giao xe cho anh V. Việc anh V thực hiện trả góp sau này cho Ngân hàng như thế nào Công ty không nắm được.

- Tại biên bản xác minh, người làm chứng chị Ngô Thị Đ1 cung cấp: Chị được biết khoảng năm 2018, ông Ư có đứng ra làm nhà nghỉ 86 giúp con gái là Tạ Thị M, thời điểm làm nhà khi thì chị M ở nhà khi thì ở trong miền N. Nhưng khi làm nhà chị M có đặt vấn đề mua nguyên vật liệu của cửa hàng chị và có thoả thuận là sẽ giao hàng cho bố chị M là ông Ư nhận, số tiền thì gọi điện báo cho chị M và đến gặp ông Ư để thanh toán. Sau đó, cửa hàng chị có giao hàng cho ông Ư nhiều lần vào tháng 7 và tháng 11/2018 với tổng số tiền khoảng 79.000.000 đồng, đều do ông Ư trả nhưng tiền là của chị M gửi cho ông Ư.

- Tại biên bản xác minh, người làm chứng ông Chu Văn T2 cung cấp: Năm 2018, anh Tạ Văn Đ đứng ra mua nguyên vật liệu của cửa hàng ông để xây dựng nhà nghỉ 86 ở thôn V, xã Q với tổng chi phí hết khoảng 200.000.000 đồng do anh Đ và ông Ư đứng ra thanh toán còn nhà đó làm cho ai thì ông không biết, ông cũng không biết chị Tạ Thị M là ai.

- Tại biên bản xác minh, người làm chứng ông Tạ Văn H1 cung cấp: Ông được biết khoảng năm 2018, chị M làm nhà nghỉ 86 và có ông Ư đứng ra trông coi giúp chị M, thời điểm làm nhà khi thì chị M ở nhà khi thì ở trong miền N. Khoảng tháng 8/2018, ông Ư có đứng ra đặt mua sơn của ông nhưng vì làm nhà

cho chị M nên ông vẫn ghi tên khách hàng là cháu M (ông là cậu ruột của chị M) nhưng khi giao hàng thì giao cho ông Ư. Tổng tiền hàng chị M mua của nhà ông là 119.646.664 đồng, đã trả được 85.000.000 đồng còn nợ lại 34.646.664 đồng đến nay chưa trả. Khi trả tiền cho ông thì đều có cả chị M và ông Ư.

- Tại biên bản xác minh, người làm chứng anh Ngụy A K cung cấp: Khoảng năm 2018, khi chị M xây dựng nhà nghỉ 86 có đến cửa hàng anh mua thiết bị điện nước, chi phí hết khoảng 100.000.000 đồng. Mọi giao dịch mua bán và thanh toán đều do chị M đứng ra giao dịch với anh, còn khi giao hàng đến thì cũng có khi anh Đ nhận nên có hoá đơn anh ghi là "anh Đ".

- Tại biên bản xác minh, người làm chứng anh Nguyễn Văn H2 và chị Ngụy Thị Thanh cung c: Khoảng năm 2018, chị M đến cửa hàng của gia đình anh chị để mua nguyên vật liệu xây dựng nhà nghỉ 86. Số lượng vật liệu toàn bộ do chị M gọi điện trao đổi, thống nhất với anh chị còn khi giao hàng đến khi thì chị M nhận, khi thì ông Ư nhận nhưng toàn bộ tiền là do chị M trả, khi chị M không có nhà thì chị M bảo xuống gặp ông Ư để lấy tiền. Chi phí chị M mua tại cửa hàng của anh chị hết khoảng hơn 100.000.000 đồng.

- Tại biên bản xác minh, người làm chứng chị Trịnh Thị H3 cung cấp: Khoảng năm 2018, chị M đến cửa hàng của chị để mua nguyên vật liệu xây dựng nhà nghỉ. Chi phí chị M mua tại cửa hàng của chị không nhiều nhưng toàn bộ là di chị M đứng ra giao dịch và thanht oán. Do đã lâu nên không nhớ chính xác chi phí và cũng không có tài liệu để cung cấp cho Toà án.

- Tại biên bản xác minh, người làm chứng ông Nguyễn Văn Q cung cấp: Khoảng tháng 4/2018 (âm lịch), ông có nhận làm công trình nhà nghỉ 86 cho chị Tạ Thị M với vai trò là thợ cả, ông xây dựng công trình cho chị M từ khoảng tháng 5/2018 đến tháng 02 năm 2019 (âm lịch) thì xong. Trong suốt thời gian ông làm nhà cho chị M thì ông Ư đứng ra trông coi công trình giúp chị M. Ông Ư cũng chính là người đứng ra thanh toán cho ông số tiền 405.000.000đồng tiền công, mọi vấn đề liên quan đến xây nhà của chị M đều do ông Ư trao đổi và làm với ông, chị M không bao giờ đứng ra thanh toán tiền cho ông. Tiền ông Ư thanh toán cho ông là của chị M hay của ông Ư thì ông không biết.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS - ST ngày 27/10/2023 của Toà án nhân dân huyện Yên Dũng đã quyết định:

Căn cứ Điều 164, Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 244; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Tạ Thị M.

1.1. Buộc anh Tạ Văn V và chị Nguyễn Thị H trả chị Tạ Thị M số tiền 321.194.000 đồng *(Ba trăm hai mươi mốt triệu, một trăm chín tư nghìn đồng).*

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí:

2.1. Anh Tạ Văn V, chị Nguyễn Thị H phải chịu 16.059.700 đồng *(Mười sáu triệu, không trăm năm chín nghìn, bảy trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả chị Tạ Thị M số tiền 17.220.000đồng *(Mười bảy triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009845 ngày 18/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 06/11/2023, anh Tạ Văn V và chị Nguyễn Thị H nộp đơn kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau để giải quyết vụ án.

Chị Nguyễn Thị H và ông Hoàng Kông D1 thống nhất trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm không đảm bảo quy định của pháp luật. Toàn bộ số tiền chị M chuyển về qua tài khoản của anh V thì anh V đã chuyển cho ông Ư xây nhà cho chị M. Chị M khai cho anh V vay nhưng không nhớ cho vay bao nhiêu tiền, mỗi lúc lại khai một số tiền khác nhau là không đảm bảo. Số tiền 300 triệu chị M chuyển cho anh V để góp mua xe chung, không phải số tiền vay. Nếu có buộc anh V, chị H trả tiền thì phải xem xét đến khấu hao xe.

Chị Tạ Thị M và Luật sư Nguyễn Văn T1 thống nhất trình bày: Số tiền chị H chuyển khoản cho anh V nhiều nhưng do là người nhà nên chị H chỉ yêu cầu trả 321.194.000 đồng gồm tiền chuyển khoản cho mua xe và tiền trả thay cho ngân hàng. Số tiền còn lại, chị M không yêu cầu anh V, chị H phải trả. Việc chị M thay đổi yêu cầu khởi kiện trong phạm vi khởi kiện ban đầu, không trái pháp luật. Số tiền trên là chị M cho anh V vay, không phải góp tiền mua xe. Kháng cáo của anh V, chị H là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang, các đương sự chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Tạ Văn V và chị Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn là anh Tạ Văn V và chị Nguyễn Thị H, HĐXX thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị M về việc buộc anh Tạ Văn V và chị Nguyễn Thị H trả số tiền 321.194.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ lời khai của chị M, chị H cùng các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP V1 cung cấp và sao kê tài khoản ngân hàng cá nhân của anh Tạ Văn V thể hiện: Vào hồi 09 giờ 37 phút ngày 20/10/2017, chị M đã nộp số tiền 300.000.000 đồng vào số tài khoản 0731000648092 của anh Tạ Văn V với nội dung *"Tạ Thị M CT*". Tiếp đó, vào hồi 10 giờ 58 phút, cùng ngày 20/10/2017, anh V đã thực hiện lệnh chuyển tiền (uỷ nhiệm chi) chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào số tài khoản 0731000732360 của Công ty TNHH T5 với nội dung *"mua xe oto số hợp đồng 22T10/HĐMB-HDGB/2017".* Tuy giữa anh V và chị M không có giấy tờ thoả thuận việc chị M cho anh V vay số tiền trên để mua xe ô tô nhưng thực tế số tiền chị M đã chuyển cho anh V; thời gian chuyển tiền; nội dung, mục đích chuyển tiền và số tài khoản nhận số tiền 300.000.000 đồng là của công ty nơi anh V đặt cọc mua xe. Chị H có lời khai thừa nhận số tiền 300.000.000 đồng anh V chuyển cho Công ty Ô để đặt cọc mua chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A-153.03 có nguồn gốc từ số tiền 300.000.000 đồng chị M đã chuyển ngày 20/10/2017. Do vậy, lời trình bày của chị M về việc đã chuyển cho anh V mượn số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của anh V tại Ngân hàng TMCP N vào ngày 20/10/2017 là hoàn toàn có căn cứ.

Về số tiền 21.194.000 đồng chị M đã trả nợ Ngân hàng TMCP V1 thay cho anh V trong khoảng thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 9/2021: Chị M xác định trong khoảng thời gian trên chị M đã trả cho anh V 03 lần tiền vào Ngân hàng TMCP V1 số tiền 21.194.000 đồng gồm: trả số tiền 10.820.000 đồng ngày 09/4/2021; trả số tiền 5.224.000 đồng ngày 03/8/2021 và trả số tiền 5.150.000 đồng ngày 01/9/2021 (theo sao kê tài khoản Ngân hàng của anh Tạ Văn V tại Ngân hàng TMCP V1). Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/3/52023, bản thân anh V cũng thừa nhận có nhờ chị M trả hộ số tiền này. Mặc dù, anh V trình bày sau đó đã trả cho chị M số tiền trên nhưng ngoài lời khai anh V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì về việc đã trả số tiền trên cho chị M và chị M cũng

không thừa nhận việc anh V đã trả cho chị số tiền này. Do vậy, yêu cầu của chị M về việc buộc anh V phải trả số tiền 21.194.000 đồng nêu trên là có căn cứ.

Lời khai của anh V, chị H và đại diện theo ủy quyền là ông D1 có nhiều mâu thuẫn. Có lời khai thì anh V và chị H trình bày số tiền chị H chuyển khoản là tiền chị M gửi nhờ qua tài khoản của anh V sau đó anh V đã rút ra đưa cho ông Ư để ông Ư chi trả tiền làm nhà cho chị M; tại phiên tòa phúc thẩm thì chị H và ông D1 lại xác định là tiền góp mua xe chung. Tuy nhiên, ngoài lời khai thì anh V và chị H và đại diện theo ủy quyền không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Việc chị M nhờ ông Ư xây nhà là một giao dịch dân sự khác; nếu có tranh chấp về số tiền đã chi cho việc xây nhà hộ chị M thì ông Ư, anh V, chị H có quyền khởi kiện vụ án khác.

Việc mua xe ô tô được chị H biết và đồng ý, đây là tài sản chung của vợ chồng chị H và anh V trong thời kỳ hôn nhân nên cần buộc chị H cùng có trách nhiệm với anh V trả cho chị M số tiền 321.194.000 đồng là phù hợp quy định Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 164, Điều 166 của Bộ luật Dân sự .

[2.2] Từ những phân tích, nhận định ở trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, buộc anh V, chị H trả chị M số tiền 321.194.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết các quyết định khác của bản án sơ thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Tạ Văn V và chị Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS-ST ngày 27/10/2023 của Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Căn cứ Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc anh Tạ Văn V và chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh V và chị H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm tại Biên lai số 0000485 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dung, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- Cổng thông tin điên tử TAND tối cao;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương Giang